

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22805103] - Thí nghiệm máy điện
(CCQ2433C)

CBGD: Phạm Toàn Sinh (280034)

Số SV có mặt: 21...

Số bài thi: ...21...

Số tờ giấy thi: 21...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124330089	Hán Vương Quốc	Anh	25/06/2006	CCQ2433A	10	- Anh	7,3	7,0	7,1
2	2124330091	Lê Tài	Anh	27/12/2005	CCQ2433A	11	- Nh	7,5	5,0	6,0
3	2124260086	Lý Hoàng	Anh	06/08/2006	CCQ2433A	10	Auc	8,3	9,0	8,7
4	2124330103	Phạm Hồng	Anh	17/12/2006	CCQ2433A	11	Anh	7,5	5,0	6,0
5	2124330090	Bùi Trường	Giang	17/02/2006	CCQ2433A	11	Buair	7,7	7,5	7,6
6	2124330106	Nguyễn Nhật	Hào	26/04/2003	CCQ2433A	/				
7	2124330110	Vũ Văn	Hợp	09/10/1999	CCQ2433A	12	- Hợp	9,0	9,0	9,0
8	2124330086	Vũ Văn	Huy	09/05/2006	CCQ2433A	/				
9	2124330107	Nguyễn Hữu Quốc	Luân	09/09/2006	CCQ2433A	1	- Luân	7,5	5,0	6,0
10	2124330105	Cao Quốc	Minh	22/09/2006	CCQ2433B	1	Mh	8,7	5,0	6,5
11	2124330099	Patâu xá	Minh	01/10/2005	CCQ2433B	11	Mirg	8,0	9,0	8,6
12	2124330087	Trương Văn	Nhiều	16/10/2005	CCQ2433B	12	Nhiều	7,7	8,0	7,9
13	2124330082	Trần Văn	Pháp	25/01/2006	CCQ2433B	1		8,5	9,0	8,8
14	2124330095	Nguyễn Hồng	Phúc	04/07/2006	CCQ2433B	10	Phúc	8,7	9,0	8,9
15	2124330084	Nguyễn Quang	Quân	04/12/2006	CCQ2433B	12	Quang	7,7	9,0	8,5
16	2124330081	Nguyễn Hải	Quốc	15/10/2006	CCQ2433B	11	Quốc	7,5	5,0	6,0
17	2124330108	Lê Tứ	Quý	15/10/2003	CCQ2433B	/				
18	2124330088	Trần Văn	Quý	02/08/2006	CCQ2433B	12	Vh	8,3	9,0	8,7
19	2121150021	Nguyễn Kim	Tiến	15/09/2003	CCQ2115A	12	Tiến	6,5	5,0	5,6
20	2124330094	Phan Thanh	Tín	02/03/2005	CCQ2433B	/				
21	2124330092	Phạm Minh	Trí	25/06/2006	CCQ2433B	10	Tmt	8,7	9,0	8,9
22	2124330093	Phan Đình	Trường	16/04/2006	CCQ2433B	12		7,7	5,0	6,1
23	2122150014	Nguyễn Văn	Truyền	25/10/2004	CCQ2215B	1	Truyen	7,7	9,0	8,5
24	2124330083	Huỳnh Văn	Vinh	08/03/2006	CCQ2433B	10	Vinh	7,5	9,0	8,4